

VÀI NÉT VỀ NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC HOÀNH TRÁNG Ở NAM BỘ

Nguyễn Hồng Dương*

Nghệ thuật điêu khắc hoành tráng là những công trình được thể hiện bằng chất liệu bền vững dùng để kỷ niệm, tưởng niệm, ca ngợi hay tôn vinh, mang tính văn hóa nghệ thuật cao (hàm chứa nội dung tư tưởng lớn, mang tinh thần thời đại); là bộ phận cấu thành của không gian kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên, ở nơi công cộng, có quy mô và hình thức thể hiện mang tầm ảnh hưởng rộng lớn đến nhận thức của xã hội. Nghệ thuật điêu khắc hoành tráng đã xuất hiện từ lâu trên thế giới, nhưng đối với Việt Nam nói chung và khu vực Nam Bộ nói riêng đây là loại hình nghệ thuật mới và chỉ xuất hiện ở không gian ngoài trời vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, mãi tới những năm 60 của thế kỷ XX mới có những tượng đài ngoài trời đầu tiên do người Việt thực hiện.

Nghệ thuật điêu khắc hoành tráng ở Nam Bộ trước năm 1975

Trước khi Pháp xâm lược Việt Nam, điêu khắc ở Nam Bộ chủ yếu là những tượng thờ nhỏ trong các đình, chùa, đền, miếu, lăng tẩm..., phát triển mạnh ở các thị tứ, làng quê mang đậm bản sắc riêng của mỗi tộc người sinh sống ở vùng đất này. Trong giai đoạn này nghệ thuật điêu khắc hoành tráng ở Nam Bộ chưa xuất hiện.

Thời kỳ từ năm 1884 - 1954

Vào những năm đầu thế kỷ XX, để đáp ứng những nhu cầu phục vụ cho chế độ bảo hộ Pháp đồng thời thu phục nhân tâm người Việt, toàn quyền Pháp Albert Sarraut đã cho mở các trường đại học, dạy nghề trong cả nước, trong đó có những trường đào tạo về mỹ thuật, như: Trường Mỹ nghệ Bình Dương (1901), Trường Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai (1903), Trường Vẽ Gia Định (1913), Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội (1925). Đây là thời kỳ hình thành nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại, hướng theo mô hình chung của nghệ thuật thế giới với các loại hình hội họa, điêu khắc, đồ họa...

Để kiện toàn cơ sở vật chất phục vụ cho bộ máy thống trị, trong quá trình xây dựng Hà Nội, Sài Gòn thành những trung tâm kinh tế chính trị ở Đông Dương, người Pháp ngoài việc xây dựng các dinh thự, công thự, đường xá, công viên, cầu cống..., đã xây dựng một số công trình tượng đài với nội dung truyền bá, ca ngợi nước Pháp và văn hoá Pháp ở các đại lộ hoặc các quảng trường lớn trung tâm thành phố. Ở Sài Gòn phải kể đến các công trình như: Tượng đài Rigault de Genouilly, xây dựng năm 1877 ở công

* ThS. Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

trường Rigault de Genouilly (nay là công trường Mê Linh); Tượng đài Gambetta và hai người lính xây dựng năm 1883 ở ngã tư đường Norodom - Pellerin (nay là ngã tư đường Lê Duẩn - Pasteur); Tượng đài Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh xây dựng năm 1903 tại công trường Công xã Paris, phía trước Nhà thờ Đức Bà (tháng 10 năm 1945 đã bị phá hủy), đến năm 1959 tín đồ Công giáo dựng tượng Đức Bà Hòa Bình tại vị trí này (01 Công xã Paris, Bến Nghé, quận 1); Tượng đài Chiến sĩ trận vong xây dựng năm 1927, ở vị trí hiện nay là Hồ con Rùa (nằm giữa nơi giao nhau của ba con đường Võ Văn Tần, Phạm Ngọc Thạch và Trần Cao Vân, ở quận 3); Tượng toàn thân của Francis Garnier tại công viên trước cửa Nhà hát Lớn (07 Công trường Lam Sơn, phường Bến Nghé, quận 1); Tượng Pétrus Trương Vĩnh Ký xây dựng năm 1927 đặt trong khuôn viên công viên cây xanh phía trước Dinh Thống Nhất hiện nay (thuộc Công viên 30/4 góc đường Lê Duẩn và đường Pasteur); Tượng Quách Đàm xây dựng năm 1924 tại chợ Bình Tây (57A Tháp Mười, phường 2, quận 6) (www.yeubinhduong.com).

Tất cả các tượng ca ngợi các nhân vật chính trị, tướng lĩnh quân đội Pháp đều đã bị nhân dân kéo đổ vào năm 1945 khi giành được chính quyền. Riêng tượng Trương Vĩnh Ký và Quách Đàm được để lại và di chuyển về đặt tại khuôn viên Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (97A Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, quận 1) sau ngày đất nước thống nhất 30/4/1975.

Thời kỳ từ năm 1954 - 1975

Hiệp định Geneve được ký kết, hoà bình được lập lại trên toàn cõi Đông Dương, tuy nhiên Việt Nam vẫn tạm thời bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc với hai chế độ chính trị, văn hoá, xã hội khác nhau. Ở miền Nam, để biến Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định thành trung tâm quân sự, văn hóa, kinh tế, chính trị ở khu vực Viễn Đông, chính quyền Mỹ - Sài Gòn tăng cường xây dựng các đường phố, trung tâm buôn bán lớn, những quảng trường, giao lộ rộng đã tạo ra không gian cần thiết để xây dựng các công trình điêu khắc hoành tráng ngoài trời. Một số công trình tượng đài được xây dựng ở các trung tâm Sài Gòn - Chợ Lớn thời gian này, như: Tượng “Hai Bà Trưng”, “Trần Hưng Đạo” ở Bến Bạch Đằng (Công trường Mê Linh, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1); tượng “Trần Nguyên Hãn” ở bùng binh trước Chợ Bến Thành (đường Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1), tượng “Thánh Gióng” ở ngã sáu Phú Đồng (đường Cách mạng Tháng Tám - Phạm Hồng Thái - Lý Tự Trọng - Nguyễn Trãi - Nguyễn Thị Nghĩa - Lê Thị Riêng, Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1), tượng “An Dương Vương” ở Bến Chương Dương, nay là Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đường Võ Văn Kiệt, phường Bến Nghé, quận 1), tượng “An Dương Vương” ở ngã sáu Nguyễn Tri Phương (đường Nguyễn Tri Phương - Ngô Gia Tự - Nguyễn Chí Thanh, phường 9, quận 5), tượng “Phan Đình Phùng” ở trước Bưu điện quận 5 (số 3 đường Mạc Cửu, phường 13), tượng “Quang Trung” ở cổng chợ Nguyễn Tri Phương (648 đường Bà Hạt, phường 6, quận 10), tượng “Lê Lợi” ở giao lộ đường Hùng Vương - Ba Tháng Hai (vòng xoay Cây Gõ, quận 6)..., cùng một số tượng ca ngợi, hoặc có hình tượng các chiến binh quân đội cũ, đã bị quân dân ta kéo sập và đập

bỏ khi tiếp quản Thành phố năm 1975. Riêng tượng “Hai Bà Trưng” được thực hiện dưới chế độ Ngô Đình Diệm, do tác giả đã thể hiện một trong hai Bà Trưng có gương mặt của Trần Lệ Xuân, nên tượng đã bị kéo đổ trong cuộc đảo chính của quân đội Sài Gòn lật đổ chế độ gia đình trị họ Ngô năm 1963.



Tượng Trần Nguyên Hãn ở trước chợ Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh năm 1974. Ảnh: Nguyễn Xuân Tiên

Các công trình tượng đài trên ra đời vào đầu những năm 70 của thế kỷ trước trong những năm tháng có nhiều biến động của chế độ Sài Gòn, được thực hiện bởi thợ thủ công và các tác giả phục vụ trong quân đội Sài Gòn (cũ). Các công trình này đều có thời gian thi công ngắn, nên tính nghệ thuật tạo hình không được lưu ý, cùng phương pháp thi công dã chiến, dùng xi măng trộn cát đắp thẳng lên khung sắt vì thế chất lượng nghệ thuật không cao và không đảm bảo độ bền vững của công trình. Về nội dung, tuy thể hiện các vị anh hùng dân tộc nhưng cũng bị bối cảnh chính trị chi phối trực tiếp trong động cơ xây dựng. Mỗi vị anh hùng dân tộc là Thánh tổ của từng binh chủng trong quân đội Sài Gòn, như: Trần Hưng Đạo của binh chủng Hải quân, An Dương Vương của binh chủng Công binh, Phan Đình Phùng của Dân quân tự vệ, Thánh Gióng của binh chủng Thiết giáp, Trần Nguyên Hãn của binh chủng Thông tin... Như vậy việc đầu tư sáng tác không xuất phát từ quan điểm xây dựng một công trình văn hoá tô điểm cho thành phố, mà chỉ là sự thể hiện những biểu tượng của quân đội, phục vụ cho mục đích chính trị, chiến tranh. Nên thực sự các công trình trên đã không hòa nhập được với không gian đô thị, chưa thể hiện được tính thẩm mỹ, mà ngược lại còn làm xấu đi cảnh quan của một thành phố văn minh, năng động. Tượng hầu hết được đặt trên các bệ cao hay dạng cột gothic chịu ảnh hưởng bố cục thời kỳ Tiền Phục hưng, không mang tính giáo dục về tư tưởng, thẩm mỹ, đa số các tượng đài đều ở mức độ yếu về mặt nghệ thuật cũng như độ bền vững của công trình.

Ngoài ra, cũng có một vài công trình tượng đài được xây dựng trong giai đoạn này ở các tỉnh thành khác như: Thống lĩnh binh Nguyễn Văn Linh (1967) của tác giả Nguyễn Xinh, chất liệu bê tông, đặt tại phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Tượng đài Nguyễn Trung Trực (1970) của nhà điêu khắc Lê Văn Mậu, chất liệu bê tông, đặt ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang... (Nguyễn Xuân Tiên, 2009).

Nghệ thuật điêu khắc hoành tráng ở Nam Bộ từ năm 1975 đến nay

Giai đoạn từ năm 1975-1985

Sau ngày thống nhất đất nước, hòa cùng niềm vui chung của dân tộc, nhiều địa phương của khu vực Nam Bộ đã thực hiện được các công trình nghệ thuật điêu khắc hoành tráng như: Tượng đài “Bác Hồ” ở bến Ninh Kiều - Cần Thơ (1975); tượng đài “Phú Lợi Cầm thù” (1980) tại nhà tù Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; tượng đài “Bất khuất” (1980) tại Nghĩa trang liệt sĩ Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tượng đài “Chiến sĩ Mậu Thân” (1982) tại Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; tượng đài “Võ Thị Sáu” (1983) tại huyện Đất Đỏ, tỉnh Đồng Nai; tượng đài Phú Lợi I (1983) đặt ở đường Phú Lợi, Thành phố Sóc Trăng và tượng đài Phú Lợi II (1984) đặt tại huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; tượng đài “Nghĩa trang liệt sĩ Tỉnh Đồng Tháp” (1984); tượng đài “Chù tịch Hồ Chí Minh” (1984) ở Thành phố Sađéc; tượng đài “Các chiến sĩ Cách mạng” (1984), tại Cầu Xáng, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; tượng đài “Huyện Ba Tri” (1984) và tượng đài “Thạnh Phú” (1985) tỉnh Bến Tre; “Phù điêu Núi Sập, tượng đài Bác Hồ” tại hội trường Ủy ban Nhân dân huyện Núi Sập, tỉnh An Giang (1985); tượng đài “Đuốc sáng” (1985) tại Công viên Lê Văn Tám, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh...

Nhìn chung, từ năm 1975-1985 là giai đoạn đất nước vừa chấm dứt chiến tranh, đang trong thời gian xây dựng, phục hồi kinh tế, nên số lượng các công trình điêu khắc hoành tráng ở Nam Bộ ít, chất lượng công trình còn bị hạn chế về mặt chuyên môn, kỹ thuật thực hiện, chất liệu chủ yếu là bằng bê tông cốt sắt với kích thước vừa và nhỏ, chưa có công trình được thực hiện bằng chất liệu bền vững như đá, đồng, inox..., đồng thời cũng chưa có sự kết hợp đồng bộ về không gian giữa điêu khắc, kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên... Hiện nay đã có một số công trình phải tháo bỏ và thực hiện lại như tượng đài “Bác Hồ” ở Bến Ninh Kiều (Cần Thơ), tượng đài “Chù tịch Hồ Chí Minh” ở thành phố Sađéc, tượng đài “Nghĩa trang liệt sĩ” tại thành phố Cao Lãnh (Đồng Tháp)... Mặc dù vậy, các công trình nghệ thuật điêu khắc hoành tráng ở Nam Bộ giai đoạn này hầu hết đã làm tròn trách nhiệm của mình về mặt nội dung, chính trị, điểm nhấn thẩm mỹ trong không gian công cộng.

Giai đoạn từ năm 1986 đến nay

Từ năm 1986 khi đất nước bước vào quá trình đổi mới, sự thay đổi cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước cùng với sự giao lưu mạnh mẽ với thế giới, đã ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của đất nước trong mọi lĩnh vực, trong đó có văn hóa nghệ thuật. Bối cảnh này đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền mỹ thuật Việt Nam, đặc biệt là lĩnh vực điêu khắc hoành tráng. Đây là giai đoạn mà các công trình nghệ thuật điêu khắc hoành tráng phát triển mạnh về số lượng và có hiệu quả trong cả nước nói chung, và nhất là

các tỉnh Nam Bộ nói riêng. Tính đến nay (2024), nếu như cả nước có khoảng gần 600 công trình điêu khắc hoành tráng, thì riêng khu vực Nam Bộ đã có 266 công trình (khu vực miền Đông Nam Bộ có 123 công trình, khu vực miền Tây Nam Bộ có 143 công trình), chiếm 44,33% số công trình trong cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh có 39 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Bác Hồ với thiếu nhi” (1993, ngòi cao 3,5m, cả bệ cao 5,5m, đúc đồng) trước Ủy ban Nhân dân Thành phố (nay dời về Nhà Văn hóa Thiếu nhi Thành phố) của nhà điêu khắc Diệp Minh Châu; tượng đài “Bà mẹ” và các nhóm tượng, phù điêu (1990, cao 25m, chất liệu đá granite và đồng) tại Nghĩa trang liệt sĩ Thành phố (quận 9) của nhà điêu khắc Nguyễn Hải; tượng đài “Nguyễn Tất Thành” (2003, cả bệ cao 5m, đúc đồng) tại Bến Nhà Rồng (quận 1) của nhà điêu khắc Phạm Mười; phù điêu “Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968” (2022, 700m², đúc đồng) tại Bình Chánh của nhà điêu khắc Nguyễn Hoàng Anh... Tỉnh An Giang có 15 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Bác Tôn” (2000, cả bệ cao 9m, đúc đồng) ở thành phố Long Xuyên của họa sỹ Lâm Quang Nói; tượng đài “Cá Basa” (2002, cao 15m, gò hàn bằng inox) ở thành phố Châu Đốc của nhà điêu khắc Trần Thanh Phong; biểu tượng “Bông lúa” (2004, cao 15m, chất liệu đá và đồng) ở thành phố Long Xuyên của họa sỹ Dương Đình Chiến... Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 14 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Chiến thắng Bình Giã” (1996, cao 26m và 42m² phù điêu, chất liệu bê tông, gôm) tại thành phố Vũng Tàu của họa sỹ Lâm Quan Nói; tượng đài “Khát vọng” (2004, cao 9m bằng đá granite) tại Nghĩa trang liệt sĩ Hàng Dương, Côn Đảo của nhà điêu khắc Phan Gia Hương; tượng và phù điêu “Bất khuất” (2004, 100m² bằng đá granite) tại Nghĩa trang liệt sĩ Hàng Dương của nhà điêu khắc Đào Châu Hải... Tỉnh Bạc Liêu có 5 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Huyện Giá Rai” (2008, cao 10m, chất liệu bê tông giả đồng) của nhà điêu khắc Nguyễn Xuân Tiên; tượng đài “Chiến thắng Bạc Liêu” (2012, cao 19,5m) tại phường 7, thành phố Bạc Liêu của Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng công trình văn hóa và đô thị (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)... Tỉnh Bến Tre có 7 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Đồng khởi” (1995, được chuyển ra chất liệu bằng đá năm 2023, cao 18m, chất liệu đá granite và bê tông giả đồng) ở thành phố Bến Tre của nhà điêu khắc Trần Thị Chúc, họa sỹ Lê Dân, kiến trúc sư Đoàn Thiên Lương... Thành phố Cần Thơ có 6 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Chiến thắng Quân khu 9” (1993, cao 15m, chất liệu bê tông giả đồng) ở Sân bay Cần Thơ của nhà điêu khắc Nguyễn Phước Sanh và họa sỹ Hứa Văn Chiến... Tỉnh Bình Dương có 19 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Chiến thắng Phước Thành” (2001, cả bệ cao 13,5, chất liệu đúc đồng và đá granite) tại huyện Phú Giáo và tượng đài “Chiến thắng Bầu Bàng” (2004, cao 10m bằng chất liệu đá granite) tại huyện Bến Cát của nhà điêu khắc Nguyễn Hải; quần thể biểu tượng, tượng, phù điêu “Di tích lịch sử Tam Giác Sắt” (2015, cao 35m, chất liệu bằng đá granite, đồng) tại Bến Cát của nhà điêu khắc Nguyễn Xuân Tiên, Phan Gia Hương, Nguyễn Quốc Thắng... Tỉnh Bình Phước có 10 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Anh hùng liệt sĩ Điều Ong” (2003, cả bệ cao 8m, đúc đồng) tại huyện Bù Đăng của họa sỹ Phạm Văn Ngọc và nhà điêu khắc Lê Minh Huy; tượng đài “Chiến thắng Đồng Xoài”

(2007, cao 15m, chất liệu đá granite) tại thành phố Đồng Xoài của nhà điêu khắc Phạm Bá Đũa; tượng đài “Chiến thắng Tàu Ô - Quốc lộ 13” (2010, cao 15,3m, chất liệu bê tông giả đồng) tại huyện Hớn Quản của nhà điêu khắc Nguyễn Xuân Tiên... Tỉnh Cà Mau có 20 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Khởi nghĩa Hòn Khoai” (1991 bê tông, năm 2022 chuyển ra chất liệu đá granite, cao 35m) ở huyện Năm Căn của nhà điêu khắc Nguyễn Phước Sanh; biểu tượng “Tỉnh Cà Mau” (1996, cao 27m, chất liệu bê tông ốp đá granite) của họa sỹ Lâm Quang Nói... Tỉnh Đồng Nai có 12 công trình, tiêu biểu là: Tượng đài “Chiến thắng Sân bay Biên Hoà” (1993, cao 5,5m bằng gốm màu) tại phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa của nhà điêu khắc Nguyễn Phú Cường; tượng đài “Chiến thắng La Ngà” (1998, cao 20m, chất liệu bê tông giả đá) tại huyện Định Quán của nhà điêu khắc Nguyễn Xuân Tiên; tượng đài “Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa” (2018, cao 25m, chất liệu đá granite) tại Trảng Bom của nhà điêu khắc Hoàng Vũ Hoài... Tỉnh Đồng Tháp có 21 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Chù tịch Hồ Chí Minh” (1995, cả bệ cao 12m, chất liệu bê tông giả đá) ở thành phố Sa Đéc của nhà điêu khắc Nguyễn Phước Sanh; tượng đài “Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quận Cung” (2000, cả bệ cao 33m, chất liệu bê tông giả đá) ở huyện Tân Hồng của nhà điêu khắc Phạm Mười, nhà điêu khắc Nguyễn Xuân Tiên; tượng đài “Mẹ Tổ quốc” (2003, cao 13m, chất liệu đá granite) ở Nghĩa trang liệt sỹ huyện Cao Lãnh của nhà điêu khắc Phan Gia Hương; tượng đài, phù điêu kỷ niệm “Sự kiện Tập kết 1954” (2019, cao 11m, 200m² phù điêu bằng chất liệu đá granite) tại thành phố Cao Lãnh của nhà điêu khắc Ngô Liêm... Tỉnh Hậu Giang có 5 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Chiến thắng Tầm Vu” (1990, cao 8m, chất liệu bê tông sơn màu) ở huyện Châu Thành của nhà điêu khắc Nguyễn Phước Sanh; tượng đài “Chiến thắng Chương Thiện” (2014, cao 18m, chất liệu đá granite) ở Vị Thanh... Tỉnh Kiên Giang, có 8 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Đảng bộ và nhân dân Hòn Đất” (Chị Sứ) (2009, cao 25m, chất liệu bê tông phum kềm) tại Hòn Đất của Công ty Mỹ thuật Trung ương... Tỉnh Long An có 10 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Võ Văn Tần” (1994, cao 12m, chất liệu bê tông đá mài) của nhà điêu khắc Phạm Mười; tượng đài “Long An trung dũng kiên cường” (2010, cao 18m bằng đá granite) ở thành phố Tân An của nhà điêu khắc Phan Gia Hương; phù điêu “Châu Văn Liêm” (2022, 250m² bằng chất liệu bê tông giả đồng) tại Đức Hòa của nhà điêu khắc Nguyễn Xuân Tiên... Tỉnh Sóc Trăng, có 6 công trình, tiêu biểu là: biểu tượng “Đoàn kết ba dân tộc” (2006, cao 28,5m bằng đá granite) ở thành phố Sóc Trăng của nhà điêu khắc Hà Trí Dũng; tượng đài “Giáo sư Bác sỹ Nông học Lương Định Của” (2020, cao 8,5m bằng đá granite) tại Công viên 30-4 (phường 1, thành phố Sóc Trăng) của nhà điêu khắc Trương Công Thành... Tỉnh Tây Ninh có 14 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Nghĩa trang liệt sỹ Bưu điện” (1997, cao 15m, chất liệu đúc đồng và đá ốp) tại Tân Biên của nhà điêu khắc Nguyễn Xuân Tiên; tượng đài “Chiến thắng Junction City” (2015, cao 15m bằng đá granite) của nhà điêu khắc Nguyễn Văn Lên... Tỉnh Tiền Giang, có 16 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Thủ khoa Huân” (1985, cả bệ cao 10m, chất liệu đá granite) ở thành phố Mỹ Tho, “Chiến thắng Ấp Bắc” (1998, cả bệ cao 11m, đúc đồng và đá) ở huyện Cai Lậy, “Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút” (2005, cả bệ

cao 15m, đúc đồng và đá) ở huyện Châu Thành của nhà điêu khắc Nguyễn Hải... Tỉnh Trà Vinh có 5 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Toàn dân đoàn kết, nổi dậy lập công” (2000, cao 25m, chất liệu bê tông, đồng, đá, gốm) ở phường 8, thành phố Trà Vinh của nhà điêu khắc Nguyễn Quốc Thắng (Bảo tàng Mỹ thuật)... Tỉnh Vĩnh Long, có 7 công trình, tiêu biểu là: tượng đài “Mẹ chiến sĩ” (1987, cao 32m, chất liệu bê tông giả đá) ở Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Vĩnh Long của họa sỹ Lê Phúc; tượng đài “Chiến thắng Mậu Thân” (2010, cao 27m, chất liệu bê tông giả đồng, đá) ở thành phố Vĩnh Long của Công ty Mỹ thuật Trung ương... Hiện các tỉnh thành của khu vực Nam Bộ vẫn còn nhiều công trình nghệ thuật điêu khắc hoành tráng đang thực hiện và tiếp tục sẽ thực hiện.



Tượng đài “Chiến thắng Ấp Bắc” (1998) ở huyện Cai Lậy của nhà điêu khắc Nguyễn Hải
Ảnh: Nguyễn Xuân Tiên



Tượng đài “Mẹ Tổ quốc” (2003) tại Cao Lãnh của nhà điêu khắc Phan Gia Hương. Ảnh: Nguyễn Xuân Tiên

Từ 1986 đến nay, các công trình điêu khắc hoành tráng trong không gian công cộng ở Nam Bộ đã có chất lượng nghệ thuật ngày một cao hơn, được thực hiện với quy mô lớn, chất liệu bền vững như đá, đồng, inox, với những bút pháp tạo hình mới, hiện đại... Nhiều công trình nghệ thuật điêu khắc hoành tráng thực sự đã là những khu công viên văn hóa lịch sử đẹp, là niềm tự hào cho địa phương và khu vực, được giới chuyên môn đánh giá cao. Đồng thời chính những công trình đó cũng là những điểm hội tụ về nguồn, nơi giáo dục truyền thống cho thế hệ sau; là nơi thường xuyên có du khách trong nước, quốc tế tới thăm viếng, chiêm ngưỡng nên cũng là nơi giới thiệu về lịch sử, đất nước, con người, những chiến công hào hùng của dân tộc, của quê hương với mọi du khách gần xa, góp phần làm rạng danh quê hương, Tổ quốc và bảo tồn các giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa dân tộc.

*

* *

Có thể thấy rằng các công trình nghệ thuật điêu khắc hoành tráng ở Nam Bộ tuy còn một số hạn chế, bất cập về hình thức biểu đạt, không gian điểm đặt..., nhưng đã thể hiện rõ được vai trò loại hình nghệ thuật hiện diện ở nơi công cộng, tạo điểm nhấn làm đẹp cho cảnh quan môi trường, truyền tải những thông điệp về văn hóa, lịch sử, giáo dục tư tưởng thẩm mỹ về vùng đất và con người nơi đây. Với sự quan tâm đúng mức của Nhà nước, các ngành các cấp, sự nỗ lực của bản thân mỗi nhà điêu khắc cùng sự tiếp biến không ngừng của nguồn lực nội - ngoại sinh, chúng ta tin rằng trong tương lai Nam Bộ sẽ có nhiều tác phẩm điêu khắc hoành tráng đẹp, xứng tầm vóc dân tộc và hoà nhập chung vào dòng nghệ thuật hiện đại của khu vực, của thế giới, góp phần làm đẹp cảnh quan không gian công cộng đô thị và xây dựng văn hóa con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước./.

N.H.D

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Tiên (2009), *Điêu khắc hoành tráng Việt Nam thế kỷ XX - Thành tựu và vấn đề*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Tiên (2015), *Điêu khắc trong môi trường văn hóa đô thị ở Nam Bộ*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
3. <https://www.yeubinhduong.com/cau-chuyen-ve-nhung-tuong-dai-o-sai-gon-thoi-phap-thuoc-bai-1-tuong-dai-mot-hinh-hai-hinh-va-ba-hinh>.

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ VĂN HÓA HỌC

1. Bài gửi đăng trên Tạp chí Văn hóa học phải chưa được công bố trên các sách, báo, tạp chí khác.
2. Tác giả bài viết chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung khoa học, tính chính xác, độ tin cậy của các số liệu, tư liệu, trích dẫn trong bài viết, theo đúng các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Báo chí.
3. Bài gửi Tạp chí được soạn trên máy vi tính, khổ A4, phông chữ Unicode (Times New Roman), cỡ chữ 14, có dung lượng ít nhất từ 3.000 từ, được trình bày theo thứ tự như sau: tên bài viết - tên tác giả - tóm tắt, từ khóa - nội dung bài viết - chú thích (nếu có) - danh mục tài liệu tham khảo.
4. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài trong bài viết để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên đã được Việt hóa (như Trung Quốc, Thái Lan,...). Tên các tác giả nước ngoài để nguyên tiếng nước ngoài và cả phiên âm ra tiếng Việt (nếu có).